

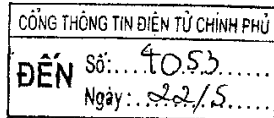
**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2013



**NGHỊ ĐỊNH**

**Về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản  
của các tổ chức tín dụng Việt Nam**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Công ty Quản lý tài sản.
2. Tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

3. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản.

### **Điều 3. Thành lập Công ty Quản lý tài sản**

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) thành lập Công ty Quản lý tài sản nhằm xử lý nợ xấu, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng hợp lý cho nền kinh tế.

2. Công ty Quản lý tài sản là doanh nghiệp đặc thù, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và chịu sự quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng Việt Nam là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, trừ tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh.

2. Khách hàng vay bao gồm tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân được tổ chức tín dụng cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp và tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) nhận ủy thác của tổ chức tín dụng để mua trái phiếu doanh nghiệp có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản.

3. Khách hàng vay còn tồn tại là khách hàng vay chưa bị rút giấy phép hoạt động, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật (đối với tổ chức) hoặc chưa chết, mất tích (đối với cá nhân).

### **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Công ty Quản lý tài sản**

Công ty Quản lý tài sản hoạt động theo các nguyên tắc sau đây:

1. Lấy thu bù chi và không vì mục tiêu lợi nhuận.

2. Công khai, minh bạch trong hoạt động mua, xử lý nợ xấu.

3. Hạn chế rủi ro và chi phí trong xử lý nợ xấu.

## **Điều 6. Cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản**

Khách hàng vay có khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản và có phương án sản xuất, kinh doanh khả thi được tổ chức tín dụng tiếp tục xem xét, cấp tín dụng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Phương thức Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng**

1. Mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị ghi sổ bằng trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản phát hành.

2. Mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị thị trường bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt.

3. Căn cứ năng lực tài chính của Công ty Quản lý tài sản, hiệu quả kinh tế và điều kiện thị trường, Công ty Quản lý tài sản được mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo phương thức quy định tại Khoản 2 Điều này đối với các khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này;
- b) Được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ số tiền mua nợ xấu;
- c) Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có khả năng phát mại;
- d) Khách hàng vay có triển vọng phục hồi khả năng trả nợ.

4. Hội đồng thành viên của Công ty Quản lý tài sản xây dựng phương án mua các khoản nợ xấu theo phương thức quy định tại Khoản 2 Điều này trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước khi thực hiện.

## **Điều 8. Điều kiện đối với các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua**

1. Công ty Quản lý tài sản mua các khoản nợ xấu có đủ các điều kiện sau đây:

a) Khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, bao gồm nợ xấu trong các hoạt động cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác cấp tín dụng và hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm;

c) Khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm phải hợp pháp và có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ;

d) Khách hàng vay còn tồn tại;

đ) Số dư của khoản nợ xấu hoặc dư nợ xấu của khách hàng vay không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể về điều kiện các khoản nợ xấu được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc Công ty Quản lý tài sản mua lại các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước.

## **Chương II** **TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH** **CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN**

### **Điều 9. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty Quản lý tài sản là 500 tỷ đồng Việt Nam.

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Công ty Quản lý tài sản**

1. Công ty Quản lý tài sản có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội và được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố lớn trực thuộc Trung ương sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Bộ máy quản lý của Công ty Quản lý tài sản bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

### **Điều 11. Quản trị, điều hành của Công ty Quản lý tài sản**

1. Hội đồng thành viên bao gồm không quá 07 thành viên.

2. Ban Kiểm soát bao gồm không quá 03 thành viên.

3. Công ty Quản lý tài sản có Tổng giám đốc và một số Phó Tổng giám đốc.

4. Quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Quản lý tài sản.

5. Ngân hàng Nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc của Công ty Quản lý tài sản.

6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý tài sản không nhất thiết phải là đấu giá viên theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

### **Chương III**

#### **NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN**

##### **Điều 12. Hoạt động của Công ty Quản lý tài sản**

1. Công ty Quản lý tài sản được thực hiện các hoạt động sau đây:

- a) Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng;
- b) Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- c) Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- d) Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- đ) Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay;
- e) Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản;
- g) Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần;
- h) Tổ chức bán đấu giá tài sản;
- i) Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng;
- k) Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty Quản lý tài sản sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.

2. Công ty Quản lý tài sản được ủy quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện các hoạt động được quy định tại các Điểm b, c, d và đ Khoản 1 Điều này.